

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Kim A, sinh ngày 29/4/1978

Địa chỉ A trú: Phường F, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ liên hệ: Số G khóm H, Phường K, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Dương Vương Phi B, sinh năm 1981

Địa chỉ A trú: Ấp L, xã M, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ liên hệ: Số G, khóm H, Phường K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Con chưa thành niên*: Cháu Dương Trần Quang C, sinh ngày 14/10/2012.

Địa chỉ: Số G, khóm H, Phường K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Kim A, sinh ngày 29/4/1978, địa chỉ thường trú: Phường F, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ liên hệ: Số G, khóm H, Phường K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và ông Dương Vương Phi B, sinh năm 1981, địa chỉ thường trú: Ấp L, xã M, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ liên hệ: Số G, khóm H, Phường K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Nguyên đơn bà Trần Kim A và bị đơn ông Dương Vương Phi B thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** 03 người là Dương Trần Quang C, sinh ngày 14/10/2012, Dương Trần Phi D, sinh ngày: 17/12/2004, Dương Trần Trúc E, sinh ngày: 07/10/2001, bà A và ông B thỏa thuận thống nhất giao con chung chưa thành niên Dương Trần Quang C, sinh ngày 14/10/2012 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C là muốn được sống chung với mẹ. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 con chung là Dương Trần Phi D, sinh ngày 17/12/2004, Dương Trần Trúc E, sinh ngày 07/10/2001, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về D sản chung, nợ chung:** Bà Trần Kim A và ông Dương Vương Phi B đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà A phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng, ông B phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng nhưng bà A tự nguyện đồng ý nộp thay cho ông B nên bà A phải nộp toàn bộ là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004281, ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên bà A được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thừa, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THA DS TPTV;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hs.

Bùi Thị Bích Chi